ký giả, xe hết niên hạn sử dụng, xe không ghi rõ số ghế.

+ Xếp hàng hóa trong xe, chở hàng hóa cồng kềnh trên nóc xe.

+ Không chịu bán vé cho khách trước khi rời bến.

- Chỉ đạo các bến xe thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của bến xe quy định tại Quyết định số 4128/2001/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

- Thường xuyên kiểm tra các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện lịch trình chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến phê duyệt, việc bố trí đủ lái xe để đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo Luật Giao thông đường bộ và xử lý các doanh nghiệp, các lái xe khi báo chí phản ánh tố cáo và đã xác định có sai phạm.

Bộ Giao thông vận tải đề nghị Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lực lượng công an, các lực lượng kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hàng hóa, hành lý, không để các lái xe, chủ xe, khách đi xe chở, mang hàng nguy hiểm, hàng dễ cháy nổ trên xe khách; có các biện pháp bảo đảm trật tự an ninh trên xe khách; xử phạt nghiêm những hành vi vi phạm và nếu cần truy tố trước pháp luật theo quy định những kẻ cố tình vi phạm gây hậu quả.

Yêu cầu Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trong ngành giao thông vận tải có liên quan thực hiện nghiêm Chỉ thị này, hàng tháng có báo cáo kết quả về Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

ĐÀO ĐÌNH BÌNH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 11/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/5/2003 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thực hiện một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 41/2002/NĐ-CP), Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương (sau đây viết tắt là Nghị định số 03/2003/NĐ-CP), Công văn số 328/CP-ĐMDN ngày 21/3/2003 của Chính phủ về việc áp dụng Nghị định số 41/2002/NĐ-CP đối với doanh nghiệp thực hiện giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động, sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục I như sau:

"2. Các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp cơ cấu lại theo quy định tại điểm 1 nêu trên (kể

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

cả đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp hạch toán độc lập khi chuyển thành công ty cổ phần) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận phương án sắp xếp lại lao động do cơ cấu lại trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP) đến hết ngày 31/12/2005. Đối với các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản thì lấy ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc ngày tuyên bố phá sản doanh nghiệp có hiệu lực thi hành nhưng phải trong thời gian từ ngày 26 tháng 4 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 Mục I như sau:

"3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp là cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất; quyết định chuyển đổi và đa dạng hóa sở hữu, quản lý, được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản không duyệt phương án cơ cấu lại mà căn cứ quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc tuyên bố phá sản doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng) do Hội đồng quản trị công ty quyết định phương án cơ cấu lại theo Điều lệ của công ty và có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan xác nhận là Bộ, ngành đối với doanh nghiệp Bộ, ngành Trung ương quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp địa phương quản lý; Hội đồng quản trị Tổng công ty 91 đối với doanh nghiệp do Tổng công ty quản lý".

3. Bổ sung điểm 6 vào Mục I như sau:

"6. Thời điểm tuyển dụng đối với người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

- Đối với người lao động làm việc liên tục trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính từ ngày bắt đầu làm việc trong khu vực nhà nước.

- Trường hợp người lao động có thời gian không làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính là thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng làm việc liên tục trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A có quá trình làm việc như sau:

- Giai đoạn 1: Ngày 20/6/1976 được tuyển dụng vào làm việc (lần đầu tiên) trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày 20/6/1992.

- Giai đoạn 2: Ngày 01/7/1992 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và làm việc liên tục đến ngày 15/9/1995.

- Giai đoạn 3: Ngày 25/10/1995 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày doanh nghiệp này thực hiện cơ cấu lại và có quyết định nghỉ việc.

Như vậy, thời điểm tuyển dụng vào khu vực nhà nước của Bà Nguyễn Thị A được tính thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng là ngày 25/10/1995".

4. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 1 Mục II như sau:

"a) Người lao động đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên được nghỉ hưu, không phải trừ phần trăm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chế độ chờ nghỉ hưu; bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội; hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội

thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 30 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có

- Tiền trợ cấp một lần: 5.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp đi tìm việc làm:

884.500 đ/tháng x 6 tháng = 5.307.000 đồng

Tổng số tiền được nhận: 50.750.000 đồng

(7.607.250 đồng + 2.501.250 đồng)

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003

724.500 đồng/tháng x 10,5 tháng = 7.607.250

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trước

1.000.500 đồng x 0,5 tháng = 500.250 đồng

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 12.816.750

Mẫu số 4: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao

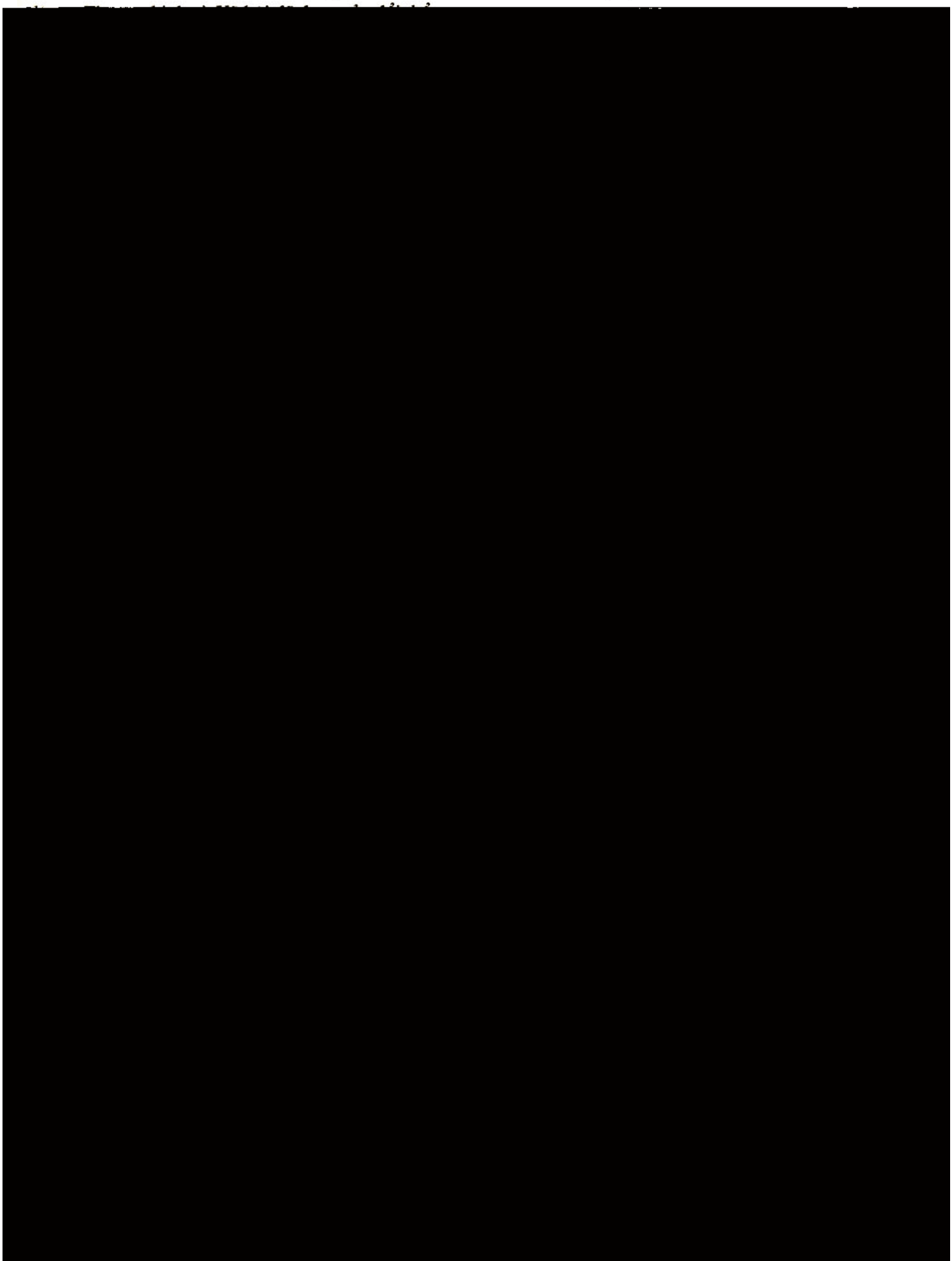

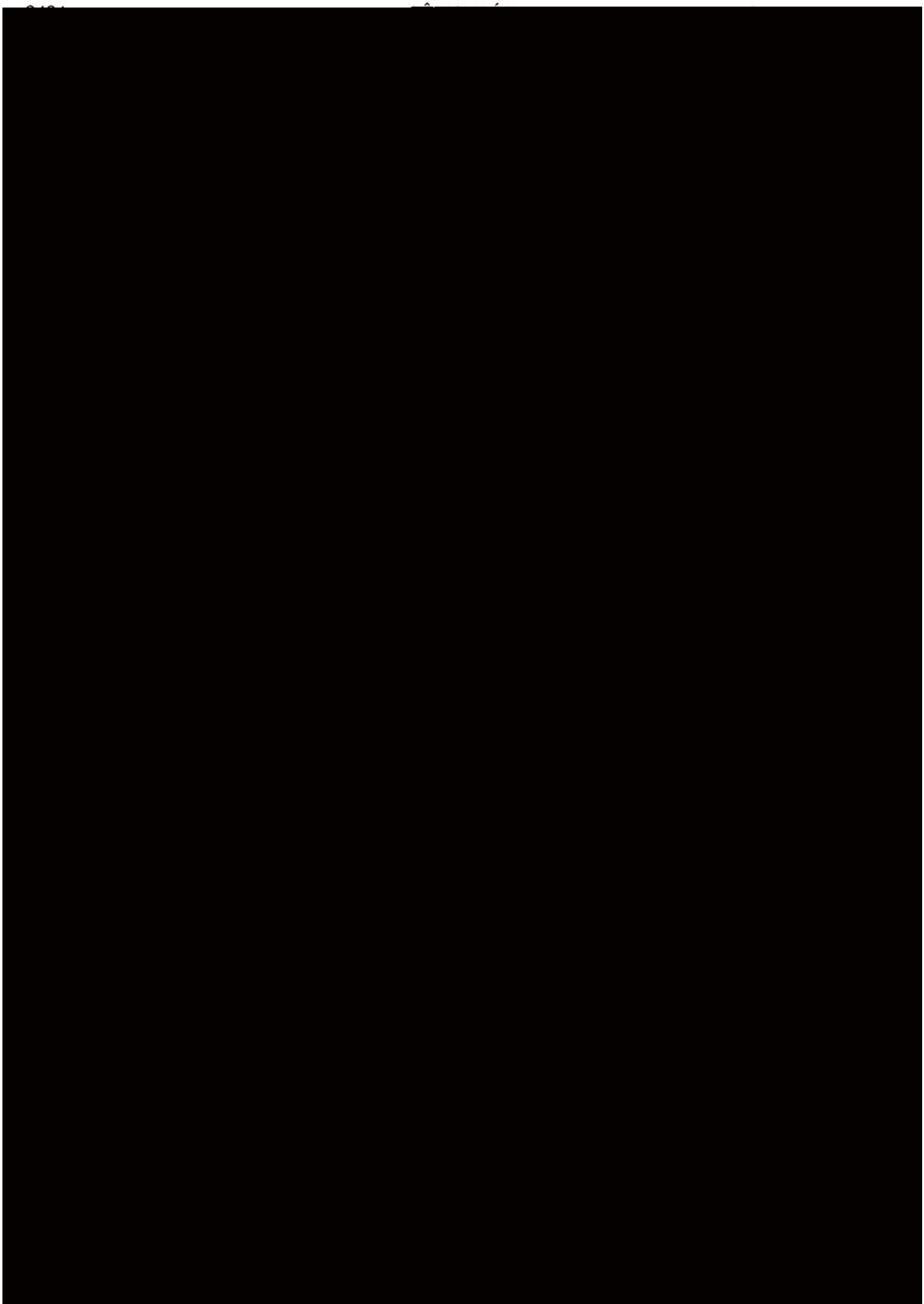

Mẫu số 6: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ

[redacted]

NGHỀ VIỆT NAM [redacted] TÊN DOANH NGHIỆP [redacted] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Mẫu số 7: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tên doanh nghiệp

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC

NGÀY..... THÁNG ..... NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Thời điểm tuyển dụng vào KVNN (ngày, tháng, năm)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Số năm về hưu trước tuổi	Chế độ được hưởng			Tổng cộng tiền được hưởng (đồng)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ				Chức vụ	Khu vực			Trợ cấp tính theo thời gian nghỉ hưu trước tuổi (đồng)	Trợ cấp do có 20 năm đầu đóng BHXH (đồng)	Trợ cấp từ năm thứ 21 trở đi có đóng BHXH (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng:															

Ngày.....tháng.....năm 200....

Người lập biểu

(Ký tên)

Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 7:

Cột 6 = Ghi cả số tháng lẻ; ví dụ: 21 năm 3 tháng (21,3)

Cột 11 = Cột 8 + cột 9 + cột 10

Cột 12 = Tuổi nghỉ hưu theo quy định (nam 60; nữ 55) - số tuổi tại thời điểm nghỉ việc

Cột 13 = {{(Cột 12 tính tròn năm x 3) + (số tháng chế độ đã quy đổi cho số tháng lẻ ở cột 12)} x (cột 11 x mức lương tối thiểu)}

Cột 14 = (Cột 11 x mức lương tối thiểu) x 5

Cột 15 = {(Cột 6 - 20 năm) x 1/2} x (cột 11 x mức lương tối thiểu)}

Cột 16 = Cộng các cột 13 + 14 + 15.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 8: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên doanh nghiệp

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH NHƯNG CÒN THIẾU THỜI GIAN ĐÓNG BHXH TỐI ĐA LÀ 1 NĂM TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG ..... NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Tháng năm tham gia công tác	Thời gian đã đóng BHXH	Số tháng còn thiếu chưa đóng BHXH	Hệ số lương để đóng BHXH	Tổng số tiền đóng BHXH	Xếp loại lao động theo nghề, công việc	Nơi ở khi về nghỉ hưu
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I 01 ...	**Đối tượng 1**										
	Cộng 1:										
II 01 ...	**Đối tượng 2**										
	Cộng 2:										
III 01 ...	**Đối tượng 3**										
	Cộng 3:										
IV 01 ...	**Đối tượng 4**										
	Cộng 4:										
	Tổng cộng:										

Ngày.....tháng.....năm 200....
Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Xác nhận của cơ quan BHXH
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 8:

* Cột 2: - Đối tượng 1: được lập danh sách người lao động đủ tuổi nghỉ hưu nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi có thời gian đóng BHXH đủ 14 năm đến dưới 15 năm.

- Đối tượng 2: được lập danh sách người lao động nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi có đủ 15 năm làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực 0,7 trở lên, hoặc đủ 10 năm công tác thực tế ở chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975, chiến trường K trước ngày 31/8/1981 có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm.
- Đối tượng 3: được lập danh sách người lao động đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.
- Đối tượng 4: được lập danh sách người lao động có ít nhất 15 năm làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại đã đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên không phụ thuộc vào tuổi đời.

* Cột 9: Hệ số lương đang hưởng tại thời điểm nghỉ việc (kể cả phụ cấp chức vụ, khu vực, hệ số bảo lưu lương nếu có).

* Cột 10: {Lấy 15% x [cột 8 x (cột 9 x mức lương tối thiểu hiện hành)]}.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 9: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN HƯỞNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG ..... NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được	Chế độ được hưởng			Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Có nguyện vọng đi đào tạo (X)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ	Trước ngày 1/1/2003	Từ ngày 1/1/2003		Chức vụ	Khu vực		Theo thâm niên làm việc	Trợ cấp 5 triệu đồng (đồng)	Trợ cấp đi tìm việc làm (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
3																
	Tổng cộng:															

Phân tích nguồn:

Tổng kinh phí chi trả: .....đồng; chia ra:

- Trách nhiệm của Quỹ lao động dôi dư cấp.....đồng.
- Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ.....đồng.
- Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có).....đồng.

Ngày.....tháng.....năm 200....

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 9:

Cột 11 = Cộng các cột 8 + 9 + 10

Cột 12 = {(Cột 11 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi x 2) + (cột 11 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi x 2)}

Cột 13 = Được ghi 5.000.000 đ

Cột 14 = {(Cột 11 x mức lương tối thiểu 290.000) x 6}; nếu thuộc đối tượng đóng tiếp BHXH tại nơi cư trú được ghi ký hiệu (K)

Cột 15 = Cộng các cột 12 + 13 + 14

Cột 16 = Có nguyện vọng đi đào tạo thì ghi ký hiệu (X).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 10: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tên doanh nghiệp

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN TỪ 1 ĐẾN 3 NĂM HƯỞNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG .... NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Thời gian HĐLĐ còn lại chưa thực hiện (tháng)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Chế độ được hưởng		Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ	Trước ngày 1/1/2003 (năm)	Từ ngày 1/1/2003 (năm)			Chức vụ	Khu vực		Trợ cấp theo thâm niên làm việc (đồng)	70% tiền lương (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															
2															
3															
	Tổng cộng:														

Phân tích nguồn:

Tổng kinh phí chi trả: .....đồng.

Trong đó: - Trách nhiệm của Quỹ lao động dôi dư .....đồng.

- Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ.....đồng.
- Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có).....đồng.

Ngày.....tháng.....năm 200....

Người lập biểu

(Ký tên)

Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 10:

Cột 12 = Cộng các cột 9 + 10 + 11

Cột 13 = (Cột 12 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi) + (cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi)

Cột 14 = (Cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x 70% x cột 8 tối đa 12 tháng)

Cột 15 = Cộng các cột 13 + 14.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com